TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **126**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16-8-2022
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Trương Thị Sen.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Linh Phương;

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Linh.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia và đình thụ lý số: 43/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1997; địa chỉ: thôn B, xã X, huyện S, tỉnh N. *Có mặt.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: anh Lê Văn N, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn T1, xã T, huyện N, tỉnh N. *Có mặt.*

- *Bị đơn:* anh Trần Anh T, sinh năm 1996; địa chỉ: thôn B, xã X, huyện S, tỉnh N. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/3/2022, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa và nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Bình trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị B và anh Trần Anh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã X, huyện S, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 17/02/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, không thể hòa giải nên tháng 02/2022 chị B nộp đơn ly hôn và được Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc. Nay chị B thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Nguyễn Anh Th, sinh ngày 24/02/2020. Khi ly hôn chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Th, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: không có.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – anh Lê Văn N trình bày: thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn, không bổ sung gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị B.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn - anh Trần Anh T có nơi cư trú tại thôn B, xã X, huyện S, tỉnh N. Chị Nguyễn Thị B khởi kiện xin ly hôn anh T nên quan hệ pháp luật được xác định là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa, bị đơn - anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị B và anh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã X, huyện S, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 17/02/2020 nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị B, sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, không thể hòa giải nên tháng 02/2022 chị B nộp đơn ly hôn và được Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị B cương quyết xin ly hôn, còn anh T không tham gia các phiên hòa giải, không tham dự phiên tòa và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị B, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: chị B và anh T có 01 con chung tên Trần Nguyễn Anh Th, sinh ngày 24/02/2020. Chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi con, còn anh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án thể hiện sự không quan tâm đến gia đình, con cái. Hơn nữa, cháu Th là con gái và chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao cho mẹ nuôi dưỡng sẽ đảm bảo hơn cho sự phát triển toàn diện về thể chất và tâm, sinh lý của cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Th cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

chung mà không ai được cản trở phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: chị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Trần Anh T.

2. Về con chung: giao cháu Trần Nguyễn Anh Th, sinh ngày 24/02/2020 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị B không yêu cầu anh Trần Anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng chị Nguyễn Thị B phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng mà chị B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004629 ngày 08/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16-8-2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Xuân 2, huyện Quế Sơn (GCNKH số 05 ngày 17/02/2020)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Sen